

CHƯƠNG 1

Câu 1: Vật liệu dệt may được dùng nhiều nhất trong

- a. A. Y tế và quân sự
- b. B. Sinh hoạt
- c. C. Công nghiệp
- d. D. May mặc

Câu 2: _____ là những vật liệu chính tạo nên sản phẩm may

- a. A. Phụ liệu may
- b. B. Nguyên phụ liệu may
- c. C. Vật liệu may
- d. D. Nguyên liệu may

Câu 3: Có nhiều loại phụ liệu may, thường được chia thành _____ loại phụ liệu

- a. A. 3
- b. B. 10
- c. C. 6
- d. D. 7

Câu 4: Chế phẩm hỗn hợp là loại vải:

- a. Bông pha với PES
- b. Bông pha với PA
- c. Len pha với acrylic
- d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 5: Nguyên nhân quần áo với chất liệu là cotton bị thâm kim:

- a. Quần áo bị dính mưa nhưng không được giặt giữ sạch sẽ ngay sau đó
- b. Quần áo để ở những vị trí ẩm ướt, nhiều bụi bẩn
- c. Khi giặt xong quần áo, bạn không phơi ngay hoặc không phơi chúng ở những nơi khô ráo, có ánh nắng
- d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 6: Phụ liệu liên kết, ngoài chỉ ra thì còn loại nào?

- a. Hồ tinh bột
- b. Nhựa cao su thiên nhiên
- c. Keo xương
- d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 7: Yêu cầu chất lượng của phụ liệu liên kết chất kết dính

- a. Dính và giữ chặt các bề mặt liên kết
- b. Tạo lớp đủ bền và dẻo
- c. Thực hiện kết dính đơn giản và an toàn
- d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 8: Là vật liệu dùng để tạo hình, dựng cứng các chi tiết trong sản phẩm may như bầu áo, nẹp lưng gọi là

- a. Phụ liệu tạo hình
- b. Phụ liệu dựng
- c. Phụ liệu tạo dáng
- d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 9: Yêu cầu chất lượng của keo (Mex)

- a. Dính và giữ chặt các bề mặt liên kết
- b. Có độ dẻo
- c. Bền dưới tác dụng giặt ủi, ánh sáng, hóa chất
- d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 10: Phụ liệu tạo dáng giữ vai trò nâng đỡ, tạo hình, dựng cứng các chi tiết trong trang phục gồm:

- a. Vải dựng: canh tóc
- b. Xốp dựng

- c. Dệt bông **d. Cả A,B,C đều đúng**

Câu 11: Nút, dây kéo, khoen móc, băng gai là phụ liệu.....

- a. Phụ liệu liên kết **b. Phụ liệu cài**
c. Phụ liệu móc **d. Cả A,B,C đều đúng**

Câu 12: Yêu cầu chất lượng của nút:

- a. Bền cơ học
b. Chịu được tác động của nhiệt độ
c. Chịu được tác động của hóa chất
d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 13: Yêu cầu chất lượng của dây kéo:

- a. Dây kéo không vặn, cong, vênh
b. Khóa kéo di chuyển dễ dàng
c. Kích thước răng đồng nhất
d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 14: Yêu cầu chất lượng của khoen móc:

- a. Móc phải dễ dàng vào khoen, khoen cũng không được sắc dễ gây đứt chỉ
b. Phù hợp với sản phẩm may
c. Khoen móc phải có dạng đúng, đều nhẵn, không tỳ vết
d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 15: Băng gai còn có tên gọi khác là:

- a. Nhám dính b. Băng gai c. Cài mềm **d. Cả A,B,C đều đúng**

Câu 16: Chọn từ (cụm từ) cần phải sửa trong câu sau đây:

Dụng canh tóc (A) đan ghép sợi tóc với sợi dọc và sợi ngang (B) để tạo thành vải dụng (C), dụng canh tóc chủ yếu dùng tạo dáng cho áo dài (D).

- a. canh tóc b. sợi tóc với sợi dọc và sợi ngang
c. vải dụng **d. áo dài**

Câu 17: Chọn từ (cụm từ) cần phải sửa trong câu sau đây:

Tính chất phụ liệu liên kết chất kết dính là:

-Có độ bám (A)

-Có độ dính: là độ bền (B) của bản thân keo trong trạng thái ướt (C) và được xác định bởi lực liên kết (D) dính giữa các bề mặt dán

- a. độ bám b. độ bền **c. trạng thái ướt** d. lực liên kết

Câu 18: Yêu cầu chất lượng của lông thú:

- a. Độ bền mài mòn b. Khả năng giữ nhiệt
c. Độ bền và độ giãn khi kéo **d. Cả A,B,C đều đúng**

Câu 19: Yêu cầu chất lượng của lông nhân tạo:

- a. Độ bền và độ giãn khi kéo

- b. Độ nhỏ của sợi tạo lông
- c. Độ dày rậm của sợi tạo lông
- d. Cả A,B,C đều đúng**

Câu 20: Chọn từ (cụm từ) cần phải sửa trong câu sau đây:

Mục đích của xử lý hoàn tất da:

- Bề mặt phù hợp, (A)
- Bề mặt xù xì (B)
- Tạo hình (C)
- Và đảm bảo các tính chất cơ lý cần thiết khác (D)

- a. Bề mặt phù hợp
- b. Bề mặt xù xì**
- c. Tạo hình
- d. tính chất cơ lý

Câu 21: Chọn từ (cụm từ) cần phải sửa trong câu sau đây:

Da nhân tạo: là vật liệu gồm vải nền và mặt kia được phủ hay ngấm polyme, dùng để may trang phục áo dài (A), quần tây (B), khi may không được tháo chỉ (C) vì sẽ để lại lỗ kim và thời hạn sử dụng ngắn (D)

- a. áo dài**
- b. quần tây
- c. không được tháo chỉ
- d. thời hạn sử dụng ngắn

Câu 22: Nguyên liệu may bao gồm các loại vải -----, các loại vật liệu lông da tự nhiên và nhân tạo

- a. Vải dệt kim
- b. Vải dệt thoi
- c. Vải không dệt
- d. Cả A,B,C đều đúng**

Câu 23: ----- may là những vật liệu chính tạo nên sản phẩm may, bao gồm cả vải chính và vải phối. ----- may chiếm tỷ trọng lớn từ 80 – 90% toàn bộ số lượng vật liệu dùng cho sản phẩm đó

- a. Vật liệu
- b. Nguyên liệu**
- c. Nguyên phụ liệu may
- d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 24: Chọn từ (cụm từ) cần phải sửa trong câu sau đây:

Phụ liệu làm ấm (A) là những vật liệu truyền dẫn nhiệt kém dùng để lót (B) bên trong sản phẩm tạo cho sản phẩm có khả năng giữ ấm (C) cho cơ thể như các loại : bông, gòn (D)

- a. Phụ liệu làm ấm**
- b. lót
- c. giữ ấm
- d. bông, gòn

Câu 25: Chọn từ (cụm từ) cần phải sửa trong câu sau đây:

Phụ liệu hướng dẫn sử dụng (A) dùng để giới thiệu nơi sản xuất (B), ghi cỡ (C), hướng dẫn sử dụng và bảo quản (D), bao gồm các loại nhãn, mác

- a. Phụ liệu hướng dẫn sử dụng**
- b. giới thiệu nơi sản xuất
- c. ghi cỡ
- d. hướng dẫn sử dụng và bảo quản

Câu 26: Chọn từ (cụm từ) cần phải sửa trong câu sau đây:

Có nhiều vật liệu may (A) mỗi loại có đặc tính (B) và công dụng riêng (C). Tùy theo yêu cầu sử dụng của sản phẩm có thể dùng loại phụ liệu này hay phụ liệu khác (D)

- a. vật liệu may**
- b. đặc tính
- c. công dụng riêng
- d. phụ liệu này hay phụ liệu khác

Câu 27: Phụ liệu đóng gói dùng để gấp xếp, bao gói sản phẩm như:

- a. Bao bì b. Bìa lưng c. Bướm cổ **d. Cả A,B,C đều đúng**

Câu 28: Phụ liệu trang trí: dùng để trang trí làm tăng tính thẩm mỹ cho sản phẩm như:

- a. Cườm, kim sa b. Ren c. Nút đẹp **d. Cả A,B,C đều đúng**

Câu 29: Trong quá trình may áo cưới, để làm tôn vòng ngực nhà thiết kế thường dụng phụ liệu gì:

- a. Phụ liệu trang trí b. Phụ liệu liên kết
c. Phụ liệu tạo dáng d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 30: Chọn câu sai. Chất liệu bông được sử dụng tốt cho trang phục:

- a. Trẻ em b. Thể thao c. Mặc lót **d. Lĩnh cứu hỏa**

Câu 31: Chọn câu sai. Trang phục các môn thể thao dưới nước thường dùng chất liệu:

- a. Cotton b. PA c. PES **d. Cả B,C đều đúng**

Câu 32: Áo cưới thường sử dụng các loại vải may như: ren, vải phi, voan,... gọi đó là -----

- a. Vải phôi b. Vật liệu may
c. Nguyên liệu may d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 33: Chọn từ (cụm từ) cần phải sửa trong câu sau đây:

Phụ liệu liên kết (A) dùng để liên kết (B) các chi tiết sản phẩm lại với nhau và khi cần có thể tháo rời (C) các chi tiết, bao gồm các loại chất kết dính (D)

- a. Phụ liệu liên kết b. liên kết **c. tháo rời** d. chất kết dính

Câu 34: Phụ liệu tạo dáng: dùng để tạo nét, tạo dáng, tạo độ phồng cho sản phẩm, bao gồm:

- a. Ủi keo vào chi tiết may
b. May lược canh tóc vào áo Vest nam
c. May lược dựng vào cổ áo dài hay lưng quần tây
d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 35: Nút là :

- a. Phụ liệu trang trí b. Phụ liệu giới thiệu sản phẩm
c. Phụ liệu cài **d. Cả A,B,C đều đúng**

Câu 36: Áo mưa có sử dụng phụ liệu gì?

- a. Phụ liệu cài b. Phụ liệu đóng gói
c. Phụ liệu liên kết **d. Cả A,C đều đúng**

Câu 37: Vải để may trang phục dạ hội cần các yêu cầu sau (Hãy chỉ ra ĐÁP ÁN SAI trong những câu sau đây):

- a. Vải thoáng mát b. Vải mềm và nhẹ
c. Vải sang trọng, độc đáo **d. Vải có độ bền cao**

Câu 38: Công dụng của trang phục:

- a. Bảo vệ cơ thể b. Che khuyết điểm

- a. Len, tơ tằm b. Amian, thủy tinh c. Polyester **d. Bông, lụa**

Câu 49: Nhóm nguyên liệu dệt chấy và tất khi đưa ra khỏi ngọn lửa là:

- a. Len, tơ tằm b. Amian, thủy tinh c. Polyester d. Bông, libe

Câu 50: Loại vật liệu dệt may nào sau đây bền với ánh sáng và khí quyển

- a. Bông b. Polyester c. Tơ tằm d. Len

Câu 51: Loại xơ dệt nào sau đây khá bền trong môi trường kiềm yếu và dễ bị phân hủy trong môi trường axit ?

- a. Bông b. Xơ tổng hợp c. Tơ tằm d. Len

Câu 52: Chi số met là đơn vị :

- a. Độ dài của sợi b. Khối lượng của sợi
c. Độ mảnh của sợi d. Độ sãn của sợi

Câu 53: Chuẩn số Tex là đơn vị đo

- a. Độ dài của sợi b. Khối lượng của sợi
c. Độ mảnh của sợi d. Độ sãn của sợi

Câu 54: Xơ thuộc nhóm vật liệu nhiệt rắn là xơ?

- a. Cotton b. Polyester c. Acetate d. Nylon

Câu 55: Mật độ sợi dọc và sợi ngang KHÔNG ảnh hưởng đến:

- a. Độ bền màu của vải. b. Độ dày của vải.
c. Độ bền của vải. d. Độ thông thoáng của vải.

Câu 56: Độ dày của vải phụ thuộc vào

- a. Độ đều của sợi b. Khở rộng của máy dệt.
c. Độ sạch của sợi. d. Mật độ dệt của vải và cỡ sợi

Câu 57: Khở vải của vải phụ thuộc vào

- a. Độ đều của sợi. b. Khở rộng của máy dệt
c. Độ sạch của sợi. d. Mật độ dệt của vải và cỡ sợi

Câu 58: Tiêu chí nào sau đây ảnh hưởng nhiều nhất đến tính chất tạo dáng của vải ?

- a. Độ nhũn (rũ). b. Độ bền xé rách.
c. Độ bền màu. d. D. Độ nhăn đường may

Câu 59: Trong các loại xơ sau đây thì loại xơ nào có độ bền mài mòn cao nhất:

- a. PE b. Polyamid c. Bông. d. Len.

Câu 60: Các tác nhân nào KHÔNG làm cho vật liệu bị lão hóa:

- a. Bóng tối. b. Nhiệt độ. c. Độ ẩm và hóa chất. d. Ánh sáng.

Câu 61: Xơ tế vi là dạng:

- a. Filament rất mảnh b. Filament rất dài
c. Xơ cắt ngắn d. Tơ có đường kính lớn

Câu 62: Len và tơ tằm là hai loại nguyên liệu dệt may có nguồn gốc từ:

- a. Khoáng vật b. Nhân tạo c. Thực vật. **d. Động vật**

Câu 63: Trong các loại sợi thiên nhiên sau đây thì loại sợi nào có độ bền cơ học cao nhất:

- a. Tơ tằm. **b. Libe.** c. Bông. d. Len.

Câu 64: Vật liệu có độ hút ẩm nhiều nhất trong các vật liệu sau đây là:

- a. Len.** b. Lanh. c. Bông. d. Đay

Câu 65: Sợi có hướng xoắn Z hay xoắn phải là:

- a. Sợi xoắn từ dưới lên trên theo chiều trái qua phải.**
b. Sợi xoắn ngược chiều với chiều xoắn của các bù lông thông dụng.
c. Sợi có hướng xoắn giống như sợi xoắn S.
d. Sợi xoắn từ dưới lên trên theo chiều phải qua trái.

Câu 66: Độ rũ đặc trưng cho tính chất nào của sợi

- a. Độ bền kéo b. Độ ma sát **c. Độ bền uốn** d. Độ phục hồi

Câu 67: Chỉ số m của sợi càng lớn thì

- a. Sợi càng lớn **b. Sợi càng mảnh**
c. Sợi càng dài d. Sợi càng ngắn

Câu 68: Tính chất của một loại vải thông thường phụ thuộc vào:

- a. Vật liệu xơ sợi, kiểu dệt, mật độ dệt.**
b. Tên vải, qui trình nhuộm, vật liệu xơ sợi.
c. Khổ vải, kiểu đan, màu.
d. ể độ xử lý hoàn tất, chiều dài cây vải, vật liệu xơ sợi.

Câu 69: Loại đơn vị đo độ mảnh của xơ sợi, được tính bằng chiều dài theo mét của một đoạn sợi có khối lượng là 1gam. Loại đơn vị đó được gọi là

- a. Chỉ số mét** b. Chỉ số Anh. c. Tex. d. Denier.

Câu 70: Xơ thiên nhiên gốc hữu cơ:

- a. Bông, lanh, tơ tằm** b. Amian
c. Polyester, polyamid d. Viscose, acetat

Câu 71: Xơ thuộc nhóm vật liệu nhiệt dẻo là xơ?

- a. Cotton **b. Polyester** c. Tơ tằm d. Len

Câu 72: Sợi có hướng xoắn S hay hướng xoắn phải là:

- a. Sợi xoắn từ dưới lên trên theo chiều trái qua phải.
b. Sợi có hướng xoắn giống như sợi xoắn Z
c. Sợi xoắn từ dưới lên trên theo chiều phải qua trái.
d. Sợi xoắn từ trên xuống dưới theo chiều phải qua trái.

Câu 73: Xơ viscose thuộc nhóm xơ:

- a. Xơ động vật b. Xơ thực vật c. Xơ tổng hợp **d. Xơ tái sinh**

Câu 74: Trong các loại xơ sau đây xơ nào có độ mài mòn thấp nhất

- a. Protide** b. Cellulose c. Polyamid d. PE

Câu 75: Chuẩn số Tex của sợi càng lớn thì

- a. Sợi càng ngắn b. Sợi càng dài
c. Sợi càng mảnh **d. Sợi càng lớn**

Câu 76: Khi phân loại xơ theo khả năng chịu nhiệt thì có:

- a. Xơ cắt ngắn, xơ liên tục
b. Xơ sơ cấp, xơ thứ cấp
c. Xơ thiên nhiên, xơ nhân tạo
d. Vật liệu nhiệt rắn - vật liệu nhiệt dẻo

CHƯƠNG 3

Câu 77: Đặc điểm nào sau đây tạo cho xơ gốc thiên nhiên phù hợp yêu cầu vệ sinh may mặc:

- a. Hút ẩm tốt** b. Tích điện tốt
c. Bền cơ học cao d. Bền với nấm mốc

Câu 78: Rayon là loại nguyên liệu dệt may có nguồn gốc từ:

- a. Khoáng vật **b. Tái sinh** c. Tổng hợp d. Động vật

Câu 79: Loại vật liệu nào sau đây giữ nhiệt tốt nhất:

- a. Acetat **b. Da.** c. Tơ tằm d. Cotton.

Câu 80: Thành phần chính trong tế bào xơ len là:

- a. Fibroin **b. Keratin** c. Cellulose d. Sericine

Câu 81: Nội tạp chất có trong xơ bông:

- a. Hạt bông b. Vỏ quả bông **c. Pectin** d. Cành bông

Câu 82: Loại vải nào sau đây cho cảm giác tay tốt nhất:

- a. Vải lanh **b. Vải tơ tằm** c. Vải polyester d. Vải bông

Câu 83: Tơ sồi là loại tơ

- a. Được lấy từ tơ nồn b. Được lấy từ lớp áo kén
c. Được lấy từ kén thủng d. Tất cả đều sai

Câu 84: Loại xơ dệt nào sau đây khá bền trong môi trường kiềm yếu và dễ bị phân hủy trong môi trường axit ?

- a. Len. **b. Bông.** c. Xơ tổng hợp. d. Tơ tằm.

Câu 85: Thành phần cellulose có trong xơ bông chiếm:

- a. 100% **b. 95%** c. 64% d. 50%

Câu 86: Hàm lượng α – cellulose dùng để điều chế xơ nhân tạo đạt:

- a. **Trên 90%** b. Trên 80% c. Trên 60% d. Trên 70%

Câu 87: Cách nhận biết xơ gốc cellulose:

- a. Đầu đốt xơ vón cục, mùi khét của tóc cháy
b. Đầu đốt xơ có tro rời, mùi khét của tóc cháy
c. Đầu đốt xơ vón cục, mùi khét của giấy cháy
d. Đầu đốt xơ có tro rời, mùi khét của giấy cháy

Câu 88: Loại vật liệu nào sau đây có tính ẩm đông mát hè:

- a. Acetat b. Da **c. Tơ tằm** d. Cotton.

Câu 89: Tính chất nào sau đây KHÔNG phải của xơ sợi cellulose:

- a. Đốt nóng cháy thành than.
b. Có khả năng hấp thụ tới 30-35% hơi nước so với khối lượng khô.
c. Không bị hòa tan trong nước nhưng trương nở.
d. Bị oxy hóa bởi ánh sáng mặt trời.

Câu 90: Để nhận biết vải sợi tơ tằm, ta dùng các phương pháp sau:

- a. Thử kéo đứt sợi sẽ thấy sợi dai và bền, mối đứt gọn, không xù lông, và khi đốt, vải cháy yếu, có mùi chua, khói trắng, tro màu đen, vón cục tròn, khó bóp vỡ
b. Thử kéo đứt sợi sẽ thấy sợi dai và bền, mối đứt gọn, không xù lông, và khi đốt, vải cháy chậm, có mùi khét như mùi tóc cháy, tro màu đen, vón cục tròn, dễ bóp vỡ
c. Kéo đứt đoạn, đoạn sợi dai và bền, mối đứt gọn, không xù lông, và khi đốt sợi cháy rất nhanh, có mùi tóc cháy, tro có màu xám, bóp dẻo.
d. Kéo đứt đoạn sợi thấy dai, chỗ đứt không bị xù lông và khi đốt sợi tơ cháy rất nhanh, có mùi giấy cháy, vón cục ở đầu bị đốt.

Câu 91: Quá trình sản xuất viscose sinh ra chất gì?

- a. TiO_2 b. H_2SO_4 c. C_2S **d. CS_2**

Câu 92: Để giảm độ bóng của viscose người ta thêm hóa chất nào vào

- a. TiO_2** b. H_2SO_4 c. C_2S d. CS_2

Câu 93: Lông cừu, lông dê, lông lạc đà, kén tằm,.. thường dùng làm nguyên liệu ban đầu cho ngành dệt may. Sợi của chúng thuộc nhóm:

- a. Cellulose **b. Prôtít (protide)** c. Lipid. d. Glucose.

Câu 94: Loại vật liệu dệt may nào sau đây không bị phân hủy bởi vi sinh vật ?

- a. Gai b. Bông. **c. Polyester.** d. Tơ tằm.

Câu 95: Xơ nào sau đây thuộc nhóm xơ libe:

- a. Len b. Viscose. c. Cotton. **d. Gai.**

Câu 96: Khi đốt cháy nhanh, mùi giấy cháy, rất ít tro. Đó là:

- a. Len. b. Acetate. **c. Bông và xơ libe.** d. Xơ sợi tổng hợp.

Câu 97: Protid của tơ tằm có tên gọi:

- a. Sericin **b. Fibroin** c. Keratin d. Pectin

Câu 98: Protid của len có tên gọi:

- a. Sericin b. Fibroin c. Pectin **d. Keratin**

Câu 99: Thành phần chính trong tế bào xơ len là:

- a. Sericine b. Fibroin **c. Keratin** d. Cellulose

Câu 100: The (sa) là loại vải?

- a.** ***Dệt mỏng và thưa có thể nhìn xuyên qua được***
b. Dệt thưa dày xen lẫn
c. Dệt dày sau đó được phết hồ
d. Sần sùi, có cục thô nhưng bền

Câu 101: Xơ thực vật lấy từ thân cây là:

- a. Xơ dừa **b. Xơ lanh** c. Xơ dừa d. Xơ bông

Câu 102: Tằm cho tơ dệt lụa là tằm ăn?

- a. Lá ngô b. Lá mướp c. Lá sắn **d. Lá dâu**

Câu 103: Phương pháp để loại bỏ sericine là:

- a. Ngâm trong hồ nghiều ngày
b. Phơi ngoài nắng
c. Ngâm trong nước lạnh
d. ***Ngâm trong nước nóng***

Câu 104: Trong các loại xơ sau, xơ nào có độ co giãn lớn nhất?

- a. Len** b. Cotton c. Polyester d. Tơ tằm

Câu 105: Trong các loại sợi thiên nhiên sau đây thì loại sợi nào có độ bền cơ học cao nhất:

- a. Len b. Bông. **c. Libe.** d. Tơ tằm.

Câu 106:

Sợi tơ tằm có bề ngoài bóng đẹp là do?

- a. Tiết diện sợi hình hạt đậu
b. Tiết diện sợi hình tròn
c. ***Tiết diện sợi tam giác, các góc bo tròn***
d. Tiết diện sợi hình răng cưa

Câu 107: Thành phần cần phải loại bỏ khi kéo sợi tơ tằm là:

- a. Keratin **b. Sericine.** c. Fibroin d. Cellulose

Câu 108: Khi đốt cháy chậm, ngọn lửa cháy yếu, tắt ngay khi rút ra khỏi lửa, có mùi tóc cháy, tro màu đen, dạng tròn, bóp dễ vỡ. Đó là

- a. Xơ nhân tạo. b. Xơ tổng hợp.
c. Bông hay xơ libe. **d.** ***Xơ protide.***

Câu 109: Trong các loại xơ sau, xơ nào có độ đàn hồi lớn nhất?

- a. Acetate b. Polyester c. Spandex d. Nylon

Câu 110: Một trong những khuyết điểm của vải sợi gốc cellulose là :

- a. Dễ hòa tan trong nhiều dung môi hữu cơ
b. Hút ẩm kém
c. Khó nhuộm màu
d. Dễ nhàu, gấp nếp, kém bền, dễ mục trong môi trường ẩm

CHƯƠNG 4

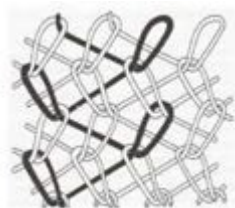
Câu 111: Kiểu dệt nào dưới đây thuộc kiểu dệt kim đan dọc?

- a. Trico, atlas b. Interlock, atlas
c. Single, laxtic d. Trico, laxtic

Câu 112: Vị trí giao nhau giữa sợi ngang và sợi dọc được gọi là

- a. Rappo b. Bước chuyển c. Điểm nổi d. Kiểu dệt

Câu 113: Hình dưới đây là kiểu đan gì:



- a. Kiểu đan atlas b. Kiểu đan tricot
c. Kiểu đan xích d. Kiểu dệt laxtic

Câu 114: Khi cần vải có độ bóng cao, rũ, mềm mại, người ta thường sử dụng kiểu dệt sau đây là thích hợp nhất:

- A. B. C. D.
a. Vân chéo. b. Lactix c. Vân đoạn d. Vân điểm.

Câu 115: Hình vẽ bên mô tả cấu trúc của:

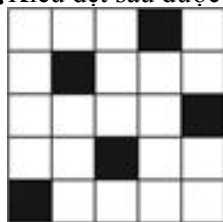


- a. Vải dệt kim đan dọc. b. Vải dệt kim đan ngang.
c. Vải dệt thoi. d. Vải không dệt

Câu 116: Nhược điểm lớn nhất của vải dệt kim là:

- a. Tura vải b. Xéo canh c. Tuột vòng d. Giật sợi

Câu 117: Kiểu dệt sau được ký hiệu như thế nào:



- a. Vân chéo 5/3 b. Vân chéo $\frac{1}{4}$ c. Vân đoạn 5/2 d. Vân đoạn 5/3

Câu 118: Điều kiện để có kiểu dệt vân chéo là:

- a. $R \geq 5; 1 < S < R - 1$, R và S không có ước số chung
b. $R \geq 3; S = \pm 1$
c. $R_n = R_d = 2; S = -1$
d. $R_n = R_d = 2; S = 1$

Câu 119: Rappo bằng bao nhiêu sẽ KHÔNG cho được kiểu dệt vân đoạn đứng

- a. 5 b. 6 c. 7 d. 8

Câu 120: Hình bên cạnh là kiểu đan gì:



- a. Kiểu dệt laxtex b. Kiểu đan xích
c. Kiểu đan tricot d. Kiểu đan atlas

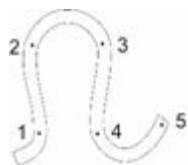
Câu 121: Số rappo nào sau đây sẽ cho nhiều kiểu dệt vân đoạn nhất:

- a. 5 b. 6 c. 7 d. 8

Câu 122: Đặc điểm của kiểu dệt vân điểm là:

- a. Tạo thành các đường chéo trên bề mặt vải
b. Tạo thành hiệu ứng bóng trên bề mặt phải.
c. Có mặt phải và mặt trái khác nhau
d. Có mặt phải và mặt trái giống nhau

Câu 123: Đoạn 4-5 ở hình vẽ bên được gọi là:



- a. Đoạn kéo dài **b. Cung platin** c. Cung kim d. Trụ vòng

Câu 124: Để mô tả qui luật đan của các hệ sợi trên vải dệt thoi, người ta thường sử dụng các thuật ngữ sau:

- a. **Rappo, điểm nổi, bước chuyển.**
 b. Cam, khỗ, lược.
 c. Repeat, vòng chập, go.
 d. Canh, biên, trụ vòng, cung kim.

Câu 125: Vải không dệt được làm từ:

- a. Nhựa **b. Xơ, sợi và hóa chất.** c. Hóa chất d. Giấy

Câu 126: Điều kiện để có kiểu dệt vân đoạn là:

- a. **$R \geq 5; 1 < S < R - 1, R$ và S không có ước số chung**
 b. $R \geq 3; S = \pm 1$
 c. $R_n = R_d = 2; S = 1$
 d. $R_n = R_d = 2; S = -1$

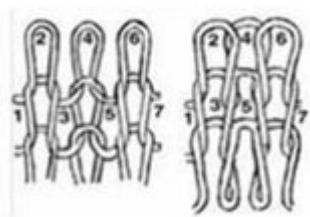
Câu 127: Điều kiện để có kiểu dệt vân điểm là:

- a. $R \geq 5; 1 < S < R - 1, R$ và S không có ước số chung
 b. $R \geq 3; S = \pm 1$
 c. $R_n = R_d = 3; S = -1$
d. $R_n = R_d = 2; S = 1$

Câu 128: Kiểu dệt vân chéo có kí hiệu 1/3 có nghĩa là:

- a. Tử số là số điểm nổi ngang, mẫu số là số dọc
 b. Tử số là số điểm nổi ngang, mẫu số là số rappo
c. Tử số là số điểm nổi dọc, mẫu số là số điểm nổi ngang
 d. Tử số là số điểm nổi dọc, mẫu số là số rappo

Câu 129: Hình bên là kiểu đan gì:



- a. Kiểu đan atlas b. Kiểu đan xích.
 c. Kiểu đan tricot. **d. Kiểu đan rib (laxtic).**

Câu 130: Số rappo nào sau đây sẽ cho ít kiểu dệt vân đoạn nhất

- a. 7 **b. 8** c. 9 d. 11

Câu 131: Trước khi cắt vải dệt kim vải phải được để trạng thái tự do ít nhất bao nhiêu giờ

- a. 12h b. 24h c. 36h **d. 48h**

Câu 132: Vải Láng với bề mặt bóng có kiểu dệt:

- a. Vân điểm b. Vân đoạn. **c. *Vân chéo*** d. Biến đổi

Câu 133: Vải Denim (quần bò), vải Gabardin, Kaki .. là các loại vải có kiểu dệt:

- a. Phức tạp. b. Jacquard (Giắc ca)
c. *Vân chéo, vân chéo biến đổi.* d. Vân đoạn biến đổi

Câu 134: Đối với vải dệt kim đan trơn, mặt phải là mặt:

- a. Xuất hiện các cung kim, đoạn nối dài hay cung platin nằm theo hướng ngang.
b. *Xuất hiện những trụ vòng nằm dọc theo chiều dài.*
c. Có hiệu ứng vân điểm.
d. Có hiệu ứng vân chéo.

Câu 135: Vải dệt kim kép là vải:

- a. Vải jacquard một giường kim
b. Vải tricô (tricot), vải xích
c. Có hai mặt khác nhau như vải một mặt phải, vải một mặt trái, vải chập vòng, vải lacoste,
- d. *Có hai mặt giống nhau như vải hai mặt phải, vải hai mặt trái, vải interlock,***

Câu 136: Quy luật liên kết giữa các sợi trên dệt thoi gọi là:

- a. *Kiểu dệt*** b. Điểm nổi c. Bước chuyển d. Rappo

Câu 137: Kiểu dệt nào dưới đây không tạo thành được vải?

- a. Laxtic b. Đan trơn **c. *Đan xích*** d. Trico

Câu 138: Kiểu dệt có $R > 2$ và $S_d = S_n = 1$ là kiểu dệt:

- a. Laxtic b. Vân chéo. c. Vân đoạn. **d. *Vân điểm.***

Câu 139: Với $R = 4$, $S = 3$ sẽ cho kiểu dệt gì?

- a. Laxtic b. Vân điểm **c. *Vân chéo*** d. Vân đoạn

Câu 140: Kiểu dệt nào dưới đây cho 2 mặt vải khác nhau?

- a. Laxtic **b. *Single*** c. Interlock d. Trico

Câu 141: Các loại bo lai áo jacket, bo cổ áo thun thường sử dụng kiểu dệt?

- a. *Laxtic*** b. Interlock c. Atlas d. Trico

Câu 142: Cho $R = 8$, hãy tìm kiểu dệt vân đoạn đúng ?

a. 8/7

b. 8/6

c. 8/4

d. 8/3

Câu 143: Vải dệt kim tròn (một mặt phải) đan ngang thường được dệt trên:

a. Máy dệt kim tròn hai giường kim.

b. *Máy dệt kim tròn hay phẳng có một giường kim.*

c. Máy dệt kim ngang phẳng hai giường kim

d. Máy dệt Raschel.

Câu 144: Kiểu dệt vân đoạn có kí hiệu 5/3 có nghĩa là:

a. Tử số là số điểm nổi ngang, mẫu số là số dọc

b. Tử số là số rappo, mẫu số là số điểm nổi dọc

c. Tử số là số điểm nổi dọc, mẫu số là số điểm nổi ngang

d. *Tử số là số rappo, mẫu số là số bước chuyển*

Câu 145: Dệt kim có 2 phương pháp là?

a. Dệt kim đan chéo và dệt kim đan dọc

b. Dệt kim đan ngang và dệt kim đan chéo

c. Dệt kim đan ngang và dệt kim đan thẳng

d. *Dệt kim đan ngang và dệt kim đan dọc*

Câu 146: Các loại vải như popelin, kate, voan, vải bạt thường sử dụng kiểu dệt?

a. Laxtic

b. Vân đoạn

c. Vân chéo

d. *Vân điểm*

Câu 147: Kiểu dệt nào dưới đây thuộc kiểu dệt kim đan ngang?

a. Trico, atlas

b. Interlock, atlas

c. *Single, laxtic*

d. Trico, laxtic

Câu 148: Với R = 9, S = 3 sẽ cho kiểu dệt gì?

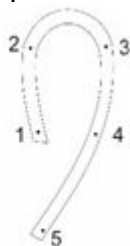
a. Vân điểm

b. Vân đoạn

c. Vân chéo

d. *Tất cả đều sai*

Câu 149: Đoạn 4-5 ở hình vẽ bên được gọi là:



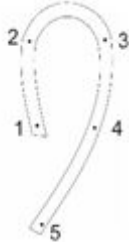
a. Trụ vòng

b. Cung kim

c. Cung platin

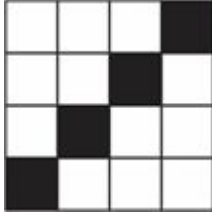
d. *Đoạn kéo dài*

Câu 150: Đoạn 2-3 ở hình vẽ bên được gọi là:



- a. Trụ vòng **b. Cung kim** c. Cung platin d. Đoạn kéo dài

Câu 151: Kiểu dệt sau được ký hiệu như thế nào:



- a. Vân đoạn 4/3 b. Vân đoạn 4/1 c. Vân chéo $\frac{1}{4}$ **d. Vân chéo $\frac{1}{3}$**

Câu 152: Cấu trúc dạng liên kết của sợi như trên hình vẽ là của:



- a. Vải dệt kim đan ngang. **b. Vải dệt kim đan dọc.**
c. Vải dệt thoi. d. Vải không dệt

Một mảnh vải có chiều dài là 75cm, chiều rộng 40cm. Sau khi giặt vải kích thước chiều dài là 72cm, chiều rộng 36cm.

Câu 153: % độ co dọc của vải là:

- a. 6% **b. 4%** c. 10% d. 12,5%

Câu 154: % độ co ngang của vải là:

- a. 6% b. 5% **c. 10%** d. 12,5%

Câu 155: Với độ co như trên nếu may 1 túi vải có chiều dài 77cm, chiều rộng 45 cm thì cần cắt vải có kích thước :

- a. 84,7cm x 50,5cm b. 81,7cm x 50,5 cm
c. 80 cm x 48,5 cm **d. 80,08 cm x 49,5cm**

Một mảnh vải có chiều dài là 50cm, chiều rộng 36cm. Sau khi giặt vải kích thước chiều dài là 45cm, chiều rộng 35cm

Câu 156: % độ co dọc của vải là:

- a. 5% b. 2,8% **c. 10%** d. 12,5%

Câu 157: % độ co ngang của vải là:

- a. 5% b. 12,5% c. 10% **d. 2,85%**

Câu 158: Với độ co như trên nếu may 1 túi vải có chiều dài 67cm, chiều rộng 25 cm thì cần cắt vải có kích thước :

- a. 77cm x 27,8cm b. 73,7cm x 25,5cm
c. 72,3 cm x 25,7cm **d. 73,7 cm x 25,7cm**

CHƯƠNG 5

Câu 159: _____ là loại vải được lấy ra trực tiếp từ máy dệt, vải này thường cứng, độ thấm thấu nước kém, có nhiều tạp chất, hình dạng bên ngoài không đẹp

- a. Vải nhiều lớp b. Vải nhẵn c. Vải xù lông **d. Vải mộc**

Câu 160: Vải may Drap trải giường, cần thử độ bền màu với

- a. Giặt, ủi b. Mồ hôi, ma sát **c. Ánh sáng** d. Nhiệt độ ủi

Câu 161: Quá trình sản xuất vải dệt được thực hiện theo sơ đồ sau:

- a. Kéo sợi → Dệt vải → Xử lý hoàn tất → Nhuộm và in hoa
b. Dệt vải → Xử lý hoàn tất → Nhuộm và in hoa → Kéo sợi
c. Xử lý hoàn tất → Nhuộm và in hoa → Kéo sợi → Dệt vải
d. Kéo sợi → Dệt vải → Nhuộm và in hoa → Xử lý hoàn tất

Câu 162: Áo sơ mi nam của công ty may Nhà Bè có tính chất đặc biệt là chống nhăn, vậy vải của áo sơ mi nam trên đã hoàn tất quá trình nào trong quá trình sản xuất vải dệt

- a. Kéo sợi b. Nhuộm và in hoa **c. Xử lý hoàn tất** d. Dệt vải

Câu 163: Chế phẩm đồng nhất tạo nên từ

- a. Cùng một loại xơ như vải len, vải tơ tằm
b. Cùng một loại xơ như bông pha với vitxco
c. Cùng một loại xơ như vải bông, vải len
d. Cả A,C đều đúng

Câu 164: Vải hai da là vải có hai mặt phải trái khác nhau, do là:

- a. Chế phẩm không đồng nhất** b. Chế phẩm đồng nhất
c. Chế phẩm hỗn hợp d. Cả B,C đều đúng

Câu 165: Vải sợi pha 67% Cotton + 33% Vitxco, là:

- a. Chế phẩm không đồng nhất b. Chế phẩm đồng nhất
c. Chế phẩm hỗn hợp d. Cả B,C đều đúng

Câu 166: Chọn từ (cụm từ) cần phải sửa trong câu sau đây:

Vải mộc thường cứng (A), độ thấm thấu nước kém (B) có nhiều tạp chất, hình dạng bên ngoài không đẹp (C), được lấy ra trực tiếp từ máy wash (D)

- a. cứng b. độ thấm thấu nước kém
c. hình dạng bên ngoài không đẹp **d. máy wash**

Câu 167: Câu nào trong những câu dưới đây là đúng:

- a. Vải giả da là sản phẩm theo phương pháp sản xuất vải mặt nhẵn
- b. Vải mộc là sản phẩm theo phương pháp sản xuất vải xù lông
- c. Vải ni là sản phẩm theo phương pháp sản xuất vải mặt nhẵn
- d. Vải dạ là sản phẩm theo phương pháp sản xuất vải xù lông**

Câu 168: Khăn mặt, khăn tắm là sản phẩm theo phương pháp sản xuất nào dưới đây:

- a. Vải mộc
- b. Vải nhiều lớp
- c. Vải mặt nhẵn
- d. Vải xù lông**

Câu 169: Điều kiện kho hàng để bảo quản vải giữ nguyên chất lượng như lúc sản xuất

- a. Kệ hàng cao khoảng 15 -50cm
- b. Nhiệt độ tốt nhất 15 - 25°C
- c. Độ ẩm tương đối từ 60 - 70%
- d. Cả A,B,C đều đúng**

Câu 170: -----là những chấm lạ sau thời gian vết trắng chuyển dần sang màu xám, độ bền của vải giảm xuống

- a. Vết dơ
- b. Vết mốc**
- c. Vết hồ
- d. Cả B,C đều đúng

Câu 171: Trong công nghệ kéo sợi, sợi nào là loại sợi chiếm tỉ lệ cao nhất

- a. Len
- b. Polyamid
- c. Tơ tằm
- d. Bông**

Câu 172: Câu nào trong những câu dưới đây về công đoạn kéo sợi là đúng:

- a. Mục đích chủ yếu của kéo sợi là để cung cấp sợi cho các nhà máy dệt
- b. Mục đích chủ yếu của kéo sợi là để cung cấp sợi mảnh làm lớp xe đạp, ô tô
- c. Mục đích chủ yếu của kéo sợi là để cung cấp sợi dệt lưới phục vụ ngư nghiệp
- d. Cả A,B,C đều đúng**

Câu 173: Xử lý hoàn tất vải được chia làm hai phương pháp:

- a. Phương pháp hóa học, sinh học
- b. Phương pháp nhiệt học, sinh học
- c. Phương pháp cơ học, nhiệt học
- d. Phương pháp cơ học, hóa học**

Câu 174: Vải gạc cho y tế sử dụng chất liệu nào dưới đây:

- a. Xơ PA
- b. Xơ PES
- c. Xơ bông**
- d. Xơ tơ tằm

Câu 175: Vải bạt dùng để làm dù che nắng sử dụng chất liệu nào dưới đây:

- a. PA
- b. len
- c. PES**
- d. bông

Câu 176: Chọn từ (cụm từ) cần phải sửa trong câu sau đây:

Xếp các loại hàng phải sát tường (A), và cách nóc nhà một khoảng cách nhất định (B) để đảm bảo an toàn (C) cho hàng hóa và tiện cho việc kiểm tra.

- a. sát tường**
- b. cách nóc nhà một khoảng cách nhất định
- c. an toàn
- d. Cả A,B đều sai

Câu 177: Cách nhuộm lụa tơ tằm truyền thống là nhuộm bằng các chất liệu lấy từ thiên nhiên như:

- a. Củ nâu cho màu nâu
- b. Con sâu Cánh kiến cho màu đỏ
- c. Trái mận cho màu đen tuyền của lãnh Mỹ A
- d. Cả A,B,C đều đúng**

Câu 178: Kéo sợi tơ từ kén thành sợi tơ tằm được gọi là:

- a. Giữ mối
- b. Tở sợi
- c. Ương tơ**
- d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 179: Lớp vảy bao quanh bên ngoài thân lông và bảo vệ cho lớp xơ đặc bên trong. Lớp vảy ảnh hưởng đến sự liên kết giữa cá xơ, do các tế bào keratin hình dẹt mỏng một phần nhô ra ngoài, một phần nằm trong thân lông tạo thành, là loại xơ gì sau đây:

- a. Len**
- b. Tơ tằm
- c. Lanh
- d. Gai

Câu 180: Mặt vải bóng, xơ sợi đều và bền, nếu pha với xơ bông hoặc xơ len vải bền đẹp và không bị nhàu nát. Khi kéo đứt sợi có độ đàn hồi cao, khó đứt, là loại xơ gì sau đây:

- a. PES
- b. Tơ tằm
- c. Lanh
- d. PA**

CHƯƠNG 6

Câu 181:

Hình vẽ bên là ký hiệu trên sản phẩm quần áo chỉ dẫn



- a. Được ủi với chế độ thông thường
- b. Không được ủi**
- c. Không được làm phẳng
- d. Được phép ủi ẩm

Câu 182: Nhám dính còn được gọi là

- a. Dây khoá kéo
- b. Miếng dán
- c. Cài mềm**
- d. Khoá

Câu 183:

Hình vẽ bên là ký hiệu trên sản phẩm quần áo chỉ dẫn



- a. Ngâm
- b. Nhuộm
- c. Giặt bằng tay**
- d. Tẩy

Câu 184: Nút, móc, dây kéo thông thường được xếp vào nhóm

- a. Phụ liệu tạo dáng
- b. Phụ liệu liên kết
- c. Phụ liệu trang trí
- d. Phụ liệu cài**

Câu 185: Phụ liệu góp phần tạo hình, làm cứng các chi tiết là

- a. Phụ liệu da
- b. Phụ liệu cài
- c. Phụ liệu tạo dáng**
- d. Phụ liệu trang trí

Câu 186: Chọn câu sai, nút được phân loại là phụ liệu gì?

- a. Phụ liệu giới thiệu sản phẩm
- b. Phụ liệu liên kết**
- c. Phụ liệu trang trí
- d. Phụ liệu cài

Câu 187: Trên ống chỉ may, có thông số kỹ thuật 60/3 nghĩa là:

- a. Tử số là khối lượng của xơ, mẫu số là số sợi chập xe thành sợi chỉ
- b. Tử số là độ dài của xơ, mẫu số là chỉ số sợi

- c. **Tỉ số là chỉ số mét của sợi đơn, mẫu số là số sợi chập xe thành sợi chỉ**
d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 188: Chọn từ (cụm từ) cần phải sửa trong câu sau đây:

Chỉ bông chiếm 80% (A), sản xuất từ sợi chải thô (B) qua các công đoạn hoàn tất (C) và có độ mãnh cao (D)

- a. chiếm 80% **b. chải thô** c. hoàn tất d. độ mãnh cao

Câu 189: Câu nào trong những câu dưới đây về số sợi chập xe thành sợi chỉ là đúng:

- a. Chỉ tơ tằm thường chập 3 sợi
b. Chỉ PA thường chập 5 sợi
c. Chỉ vitxco thường chập 2 sợi
d. Cả A,C đều đúng

Câu 190: Tơ dún có độ đàn hồi cao, co giãn và bền cao, xốp ít ma sát với kim, đường may bền, mềm và ít đứt, được gọi là.....

- a. Chỉ bông b. Chỉ PA c. Chỉ vitxco **d. Chỉ dún**

Câu 191: Nguyên nhân chỉ bị đứt nhiều lần trong khi may, do:

- a. Chỉ không đàn hồi
b. Chỉ không có độ bền
c. Chỉ không chịu được sức kéo căng hoặc ma sát khi may
d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 192: So sánh độ bền của chỉ và vải

- a. Bằng nhau b. Nhỏ hơn **c. Lớn hơn một chút** d. Tùy mẫu thiết kế

Câu 193: Yêu cầu chất lượng chỉ may

- a. Chịu được tác động trong quá trình sử dụng
b. Phải đều đặn, không xù lông, bền màu
c. Phải đàn hồi, mềm mại, cân bằng xoắn
d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 194: May vải voan (vải mỏng) thì chọn chỉ và kim như thế nào?

- Chỉ sợi nhỏ, kim thường**
a. Chỉ sợi thường, kim thường
Chỉ sợi nhỏ, kim nhỏ
b. Chỉ sợi thường, kim nhỏ
c. Chỉ sợi nhỏ, kim thường
d. Chỉ sợi thường, kim thường

Câu 195: May vải Jean (vải dày) thì chọn chỉ và kim như thế nào?

- a. Chỉ sợi to, kim thường
b. Chỉ sợi nhỏ, kim thường
c. Chỉ sợi nhỏ, kim lớn
d. Chỉ sợi to, kim lớn

Câu 196: Hình vẽ nào biểu diễn đúng kí hiệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm được phơi trong bóng râm:

- a.  b.  c.  d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 197: Hình vẽ nào biểu diễn đúng kí hiệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm KHÔNG được vắt bằng máy giặt

- a.  b.  c.  d. 

Câu 198: Hình vẽ nào biểu diễn đúng kí hiệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm được giặt khô với bất cứ loại dung môi nào:

- a.  b.  c.  d. 

Câu 199: Một số vấn đề về may, do lựa chỉ không đúng làm đường may bị -----, mũi may bị nhảy hoặc không đều và đường may nhăn

- a. sùỉ chỉ b. nổi chỉ c. đứt chỉ d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 200: Độ co chỉ là lượng mà chỉ co lại dưới tác động của giặt và làm nóng, biểu hiện là đường may có thể bị nhăn khi tiếp xúc với -----

- a. nước và lực kéo căng b. lực kéo căng và nhiệt độ
c. nước và nhiệt độ d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 201: Công dụng của phụ liệu tạo dáng:

- a. Dễ gia công sản phẩm may b. Gia cố cho sản phẩm
c. Tăng tính thẩm mỹ d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 202: Lớp đế của keo giấy:

- a. Vải không dệt b. Vải dệt kim
c. Vải dệt thoi d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 203: Hình vẽ bên là ký hiệu trên sản phẩm quần áo chỉ dẫn

- a. Không được giặt tay b. Không được giặt máy
c. Không được vắt d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 204:

- a. Giặt ngâm b. Giặt bằng tay
c. Giặt ngâm nhẹ nhàng trong nước lạnh d. Cả A,B,C đều đúng

